ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ KRÔNG NĂNG** Số: 4203 /QĐ-UBND	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Krông Năng, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án: Nâng cấp đường giao thông nội thôn Lộc Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP, ngày 15/06/2026 của Chính phủ về quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP, ngày 15/06/2026 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công và bảo trì công trình;

Căn cứ Nghị định số số 217/2026/NĐ-CP, ngày 19/06/2026 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư 38/2026/TT-BXD, ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 050/2025/QĐ-UBND, ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về thẩm quyền trong quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 22/8/2026 của UBND xã Krông Năng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Công trình Nâng cấp đường giao thông thôn Lộc Phước;

Căn cứ Quyết định số 2118/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND xã Krông Năng về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách xã;

Thông báo số 282/CVTĐ-KT, ngày 30/10/2026, của Phòng Kinh tế về kết quả thẩm định Báo cáo Kinh tế – Kỹ thuật công trình: Nâng cấp đường giao thông nội thôn Lộc Phước

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 709/TTr-KT, ngày 30/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Nâng cấp đường giao thông nội thôn Lộc Phước, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp đường giao thông nội thôn Lộc Phước.

2. Loại, nhóm dự án; loại cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Loại công trình: Dự án nhóm C, công

trình giao thông, cấp IV, không nhỏ hơn 20 năm;

3. Mã định danh (nếu có):

4. Địa điểm xây dựng: xã Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

5. Người quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Krông Năng.

6. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Krông Năng

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn XD APT; Mã số thuế: 6001135836;

8. Mục tiêu dự án: Nâng cấp đường giao thông thôn Lộc Phước nhằm từng bước hoàn chỉnh mạng lưới giao thông theo quy hoạch được duyệt; bảo đảm kết nối đồng bộ giữa khu dân cư và các khu vực sản xuất trên địa bàn xã; tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, giao thương hàng hóa của Nhân dân. Tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội đối với các vùng lân cận.

9. Quy mô đầu tư:

- Loại công trình: Giao thông

- Cấp công trình: Cấp IV

a. Loại và Cấp công trình: Công trình giao thông, Cấp IV.

b. Cấp thiết kế đường: Công trình GTNT cấp B (Tiêu chuẩn TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế).

- Vận tốc thiết kế: Vtk = 20Km/h.

c. Nội dung đầu tư xây dựng: Tổng chiều dài tuyến đầu tư L = 1.007m.

a. Loại và Cấp công trình: Công trình giao thông, Cấp IV.

b. Cấp thiết kế đường: Công trình GTNT cấp B (Tiêu chuẩn TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế).

- Vận tốc thiết kế: Vtk = 20Km/h.

c. Nội dung đầu tư xây dựng:

*Đoạn tuyến thiết kế rãnh dọc gia cố 2 bên tuyến

+ Bề rộng nền đường: $B_{nền}$= 5,5m.

+ Bề rộng mặt đường: $B_{mặt}$= 5,5 m.

*Đoạn tuyến thiết kế rãnh dọc gia cố bên trái tuyến

+ Bề rộng nền đường: $B_{nền}$= 6,5m.

+ Bề rộng mặt đường: $B_{mặt}$= 5,5 m.

+ Bề rộng lề (đất): $B_{lề}$ = 1,0 m.

- Độ dốc ngang mặt đường i=2%; lề đường i=4%.

- Ta luy nền đường: nền đào 1/1,00; nền đắp 1/1,50.

- Độ chặt nền đường Kyc ≥ 0.95.

***Kết cấu mặt đường**

- Xây dựng mặt đường bê tông xi măng.

+ Mặt đường BTXM đá 1x2 M300 dày h=20 cm.

+ Lót 1 lớp giấy dầu tạo phẳng và chống thấm.

+ Móng CPĐD loại 2 (Dmax=37,50mm), dày 14cm, độ chặt Kyc>0,98.

+ Nền đường đắp (hoặc đào) lu lèn đạt độ chặt Kyc>0,98 dày 30cm.

*** Rãnh dọc gia cố:**

- Rãnh dọc gia cố được thiết kế chủ yếu phía bên trái tuyến và các đoạn tuyến dốc dọc đường lớn. Thân rãnh bằng các tấm đan BTXM đúc sẵn lắp ghép KT(57x49x7)cm, đáy rãnh bằng bê tông đá 1x2 B15 (M200) dày 10cm đổ tại chỗ, trên lớp dăm sạn đệm dày 5cm.

*** Cống thoát nước**

- Thiết kế cống thoát nước ngang đường khẩu độ thay thế cống cũ 2Ø100cm cũ bị hư hỏng tại Km0+311,03.

Cống tròn 2Ø100cm dùng loại cống BTCT ly tâm B22,5 (M300) đúc sẵn trong nhà máy, tải trọng thiết kế HL93. Móng cống bằng các gối cống BTCT B15 (M200) đúc sẵn, bố trí cách khoảng 45cm, bên dưới đệm dăm sạn dày 5cm. Tường đầu, tường cánh bằng bê tông đá 1x2 B15 (M200) đổ tại chỗ; Móng tường đầu, tường cánh bằng bê tông đá 1x2 B15 (M200) đổ tại chỗ trên lớp dăm sạn đệm dày 5cm.

*** Hệ thống an toàn giao thông dọc tuyến đường:**

- Sơn vạch sơn 1.1: vạch phân chia hai chiều xe chạy ngược chiều nhau (vạch tim đường), vạch đơn, đứt nét, màu vàng, rộng 15cm, dài 1m, khoảng cách giữa 2 vạch 2m.

- Tại mỗi ngã giao (ngã ba, ngã tư) đặt các biển báo hiệu đường giao nhau.

- Độ cao đặt biển: từ cạnh dưới của biển báo đến mặt đất là 1,8m.

- Biển báo được dán màng phản quang. Cột biển báo bằng ống thép tráng kẽm Ø76mm. Cột biển báo được sơn từng đoạn trắng đỏ xen kẽ nhau và song song với mặt phẳng nằm ngang, bề rộng mỗi đoạn sơn là 30cm.

- Dọc rãnh gia cố và dọc cống bố trí cọc tiêu KT(12x12x110)cm cách khoảng 2m ~ 5m/1 cọc.

- Kích thước biển báo, cọc tiêu, vạch sơn theo Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT.

(Chi tiết nội dung sửa chữa được thể hiện tại bản vẽ và dự toán kèm theo)

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu:

Stt	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Đường Ôtô, tiêu chuẩn thiết kế (tham khảo)	TCVN 4054 – 2005
2	Tiêu chuẩn thiết kế đường GTNT	TCVN 10380-2014
2	Thiết kế mặt đường BTXM	TCCS 39 2022
3	Kết cấu bê tông và BTCT – Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2018

Stt	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
5	Màng phản quang dùng báo hiệu đường bộ	TCVN 7887:2008

- Các quy trình, quy phạm hiện hành liên quan khác;

11. Tổng mức đầu: 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 5.986.998.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án : 164.027.000 đồng
- Chi phí TV đầu tư XD : 487.042.000 đồng
- Chi phí khác : 35.525.000 đồng
- Dự phòng phí : 326.408.000 đồng

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026-2028;

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án: Ngân sách xã;

a) Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách xã.

b) Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án: Năm 2026-2028.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án;

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):

- Sử dụng nguồn lực tại chỗ, đảm bảo các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, môi trường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung ghi tại Điều 1, Quyết định này và các nội dung liên quan theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế xã; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Krông Năng; Phòng giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIV; Trưởng thôn Lộc Phước và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND xã;
- LĐVP HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ KRÔNG NĂNG T. ĐẮK LẮK

Lê Hồng Văn